

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ- ST
Ngày 02-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp
Về nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu

- Ông Nguyễn Ngọc Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 04-3-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST- HNGĐ ngày 19-3-2025 giữa;

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị K, sinh năm 1995- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Ngô Văn A, sinh năm 1985- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2025 và bản tự khai ngày 17-01-2025 nguyên đơn chị Bàn Thị K trình bày: Chị K và anh Ngô Văn A kết hôn với nhau ngày 24-5-2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Y, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh A có hành vi bạo lực gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân được một năm không quan tâm đến

nhau. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn A.

Về con chung: Chị K và anh A có một con chung tên là Ngô Thanh T, sinh ngày 05-7-2015. Cháu T sống cùng chị K từ nhỏ và cháu bị mắc bệnh câm, điếc bẩm sinh. Sau khi ly hôn chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Ngô Thanh T, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Ngô Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh A vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016; Chị K được ly hôn anh A; giao cháu T cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; anh A không phải cấp dưỡng nuôi con; chị K phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn N xã T, huyện L, tỉnh Y. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bàn Thị K và anh Ngô Văn A kết hôn với nhau ngày 24-5-2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Y, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh A có hành vi bạo lực gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng

đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị K vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị K xác định tình cảm đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A. Đối với anh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 25-02-2025 ở Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y nơi chị K và anh A cư trú sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh A có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng đã sống ly thân được một năm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị K và anh A lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xét xử cho chị K được ly hôn anh A.

[3] *Về con chung*: Chị K và anh A có một con chung tên là Ngô Thanh T, sinh ngày 05-7-2015. Tại phiên tòa chị K vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh A qua trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 25-02-2025 ở Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Y nơi chị K và anh A cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Cháu T bị mắc bệnh câm, điếc bẩm sinh, cháu T sống cùng chị K từ nhỏ đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi chị K sống ly thân anh A, cháu T vẫn sống cùng chị K, để đảm bảo điều kiện phát triển mọi mặt của con chung, tránh sự sáo trộn về môi trường sinh hoạt của con chung, nên yêu cầu của chị K được trực tiếp nuôi cháu T có căn cứ, phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cháu T cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] *Về án phí*: Chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án..

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bàn Thị K.

1- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bàn Thị K được ly hôn anh Ngô Văn A

2- *Về con chung*: Giao cháu Ngô Thanh T, sinh ngày 05-7-2015 cho chị Bàn Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi; anh Ngô Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3- *Về án phí*: Chị Bàn Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị K đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2023/0001959 ngày 10-01-2025 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

4- *Quyền kháng cáo*: Chị Bàn Thị K, anh Ngô Văn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã Trúc Lâu;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh